

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI  
ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

(V/v: Giải trình chênh lệch BCTC công ty Mẹ và  
BCTC hợp nhất Năm 2013 trước và sau kiểm toán )  
Số: 06/CV-TASADH-2014

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2014

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOAN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

( Đơn vị tính: Đồng)

1. Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ Phần vận tải đa phương thức Duyên Hải.
2. Mã chứng khoán: TCO
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 189 Đường Đinh Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.
4. Điện thoại: 0313.614018 Fax: 0313.614016

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU BCTC NĂM 2013		CHÊNH LỆCH	GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH
	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán		
<b>I/ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ</b>				
<b>I. Chỉ tiêu Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ:</b>				
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (Mã số: 06)	71,865,775,660	72,862,349,985	996,574,325	Chênh lệch do kế toán công ty Mẹ cho nhầm một số chỉ tiêu trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ và cộng khoản vay ngân hàng không hạch toán thông qua TK 111 , TK 112. vào tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được trong năm của báo cáo lưu chuyển tiền tệ. (Nợ 331 có 311).
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (Mã số: 07)	(66,454,460,141)	(66,860,781,294)	(406,321,153)	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia (MS:27)	30,022,821,789	34,741,739,481	4,718,917,692	
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được ( Mã số:33)	27,365,492,017	21,650,000,000	(5,715,492,017)	
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu ( Mã số: 36)	(15,761,501,025)	(15,355,179,872)	406,321,153	
<b>II/ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT</b>				
<b>I. Chỉ tiêu Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>				
<b>I.1 Chỉ tiêu tài sản trong BCTC hợp nhất</b>				
Tiền ( Mã số 111)	11,878,646,806	11,878,587,333	(59,473)	Công ty con TASA Trading chưa điều chỉnh chênh lệch tỷ giá các khoản công nợ phải thu, phải trả bằng ngoại tệ cụ thể: Do đánh giá lại tỷ giá tiền USD thấp hơn quy định ngân hàng
Phải thu khách hàng ( mã số: 131)	22,249,149,697	22,250,255,687	1,105,990	Chưa đánh giá lại chênh lệch tỷ giá với công nợ phải thu
Tài sản ngắn hạn khác ( Mã số: 158)	11,975,042,191	11,975,500,001	457,810	Chưa đánh giá lại chênh lệch tỷ giá khoản ký quỹ bằng USD
<b>I.2 Chỉ tiêu nguồn vốn trong BCTC hợp nhất</b>				
Phải trả người bán ( Mã số: 312)	4,393,321,707	4,395,219,687	1,897,980	Chưa đánh giá chênh lệch tỷ giá phải trả người bán bằng EUR
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước ( Mã số: 314)	4,749,262,014	4,749,163,600	(98,414)	Thuế TNDN giảm do điều chỉnh chênh lệch tỷ giá bị giảm lãi
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số: 420)	26,041,117,472	26,040,824,978	(292,494)	Do điều chỉnh tỷ giá ngoại tệ công nợ nên phát sinh lỗ





CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU BCTC NĂM 2013		CHÊNH LỆCH	GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH
	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán		
Lợi ích của cổ đông thiểu số( Mã số: 439)	6,826,420,974	6,826,418,229	(2,746)	
<b>2. Chỉ tiêu Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất</b>				
Doanh thu hoạt động tài chính ( Mã số: 21)	2,325,666,497	2,327,230,297	1,563,800	DTTC tăng do điều chỉnh tăng chênh lệch tỷ giá ký quỹ và công nợ phải thu bằng tiền USD của công ty con
Chi phí tài chính ( Mã số: 22)	6,929,254,333	6,931,211,786	1,957,453	Chi phí tài chính tăng do điều chỉnh tăng chênh lệch tỷ giá tiền EUR phải trả người bán và chênh lệch tiền gửi ngân hàng.
Chi phí thuế TNDN hiện hành ( Mã số: 51)	6,278,805,076	6,278,706,662	(98,414)	Giảm thuế TNDN do lỗi điều chỉnh tỷ giá.
Lợi nhuận sau thuế TNDN (Mã số: 60)	24,507,188,126	24,506,892,886	(295,240)	Do điều chỉnh tỷ giá ngoại tệ công nợ nên phát sinh lỗ
<b>3. Chỉ tiêu Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</b>				
Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác( MS: 01)	382,176,609,142	221,388,122,266	(160,788,486,876)	1. Chênh lệch do khi hợp nhất kế toán chưa loại trừ giao dịch thanh toán tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ, DT khác và tiền trả người cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong nội bộ tập đoàn.  2. Kế toán công ty Mẹ và công ty con : công ty TNHH Đường bộ Duyên Hải , Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải cho nhằm một số chỉ tiêu trong báo cáo Lưu chuyển tiền tệ. 3. Kế toán đã cộng khoản tiền vay ngân hàng không hạch toán thông qua TK 111 , TK 112. vào tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được trong năm ( Nợ 331 có 311)
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ ( MS:02)	(310,029,922,244)	(147,635,743,188)	162,394,179,056	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh ( Mã số:06)	174,646,421,750	174,132,121,624	(514,300,126)	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (Mã số: 07)	(193,583,079,175)	(197,388,287,528)	(3,805,208,353)	
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các Tài sản dài hạn khác ( Mã số:21)	(38,078,721,510)	(34,825,711,510)	3,253,010,000	
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các Tài sản dài hạn khác ( Mã số:22)	6,246,473,502	6,247,473,502	1,000,000	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia (MS: 27)	32,873,223,865	37,592,141,557	4,718,917,692	
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được ( Mã số:33)	192,356,666,066	186,691,174,049	(5,665,492,017)	
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu ( Mã số: 36)	(15,761,501,025)	(15,355,179,872)	406,321,153	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ( Mã số: 70)	11,878,646,806	11,878,587,333	(59,473)	

Chúng tôi xin cam kết bản giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung giải trình.

Nơi gửi:

- Như kính gửi
- Lưu

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



CHỦ TỊCH HĐQT

*Bùi Chí Hùng*



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013*

Kèm theo  
**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**

---

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**  
Số 03- Ngõ 1295 - Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội  
Tel: (043) 9745081/82 Fax: (043) 9745083

*Hà Nội, tháng 02 năm 2014*

STT	NỘI DUNG	Trang
1	<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2 – 4
2	<b>Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán viên</b>	5 - 6
3	<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
	<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013</i>	7 – 8
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013</i>	9
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2013</i>	10
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	11 - 31



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 9, ngày 11 tháng 10 năm 2013. Theo đó;

Trụ sở chính của Công ty : Số 189 Đinh Vũ, P Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng  
Vốn điều lệ của Công ty : 128.700.000.000 đồng  
Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 47/2009/GCNCP- VSD do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 01/09/2009, thay đổi lần thứ 1 ngày 24/02/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 10/03/2011. Theo đó, ngày 27/02/2012 là ngày giao dịch đầu tiên của Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết : Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết : Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung; Dịch vụ Logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết : bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng);
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ móc và bán rơ móc;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết : Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết : Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hóa; Cho thuê Container;
- Cho thuê xe có động cơ



**Hội đồng quản trị tại ngày lập báo cáo tài chính này gồm;  
Các thành viên của Hội đồng quản trị**

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Đình Chung	Nguyên CT HĐQT	23/03/2013	20/06/2013
2	Ông Bùi Chí Hùng	Chủ tịch HĐQT	23/03/2013	30/03/2018
3	Ông Lê Thái Cường	Thành viên HĐQT	23/03/2013	30/03/2018
4	Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Thành viên HĐQT	23/03/2013	30/03/2018
5	Bà Vũ Thị Phú	Thành viên HĐQT	23/03/2013	30/03/2018
6	Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT	23/03/2013	30/03/2018
7	Bà Đào Kim Phương	Thành viên HĐQT	23/03/2013	30/03/2018

**Ban Tổng Giám đốc tại ngày lập báo cáo tài chính này gồm;**

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Bùi Chí Hùng	Tổng Giám đốc
2	Ông Lê Thái Cường	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Phan Quốc Bình	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Nguyễn Tuấn Điệp	Phó Tổng Giám đốc

**Các thành viên của Ban Kiểm soát:**

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Nguyễn Thị Hiệt	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Trần Thị Kim Hồng	Thành viên
3	Bà Văn Thị Thanh Bình	Thành viên

**Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty và tại ngày lập báo cáo tài chính là Ông Bùi Chí Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty.

**Các sự kiện trong năm tài chính**

Bổ nhiệm ông Bùi Chí Hùng giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, ông Lê Văn Thanh giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 20 tháng 06 năm 2013 thay ông Nguyễn Đình Chung do ông Nguyễn Đình Chung xin từ nhiệm vì lý do cá nhân.



Bổ nhiệm tạm thời Ông Bùi Chí Hùng giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 10 tháng 09 năm 2013 thay ông Lê Văn Thanh do ông Lê Văn Thanh xin từ nhiệm vì lý do sức khỏe.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hải Phòng, ngày 18 tháng 02 năm 2014

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**  
(Ký tên, đóng dấu)



**BÙI CHÍ HÙNG**



Số: 08 /BCKT- CPAHN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải được lập ngày 18 tháng 02 năm 2014 từ trang 07 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc.**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm toán nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp



lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính:

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Một số lưu ý đối với người đọc báo cáo**

- Đây là Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ.
- Tại thời điểm 31/12/2013, tổng số vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ) là 135.790.569.600 đồng, lợi nhuận chưa phân phối của năm trước là 38.901.772.468 đồng, Công ty đã sử dụng các nguồn này để đầu tư vào các Công ty con như sau:

+ Góp vốn vào các Công ty con:	128.595.120.074 đồng
+ Đầu tư ngắn hạn:	16.059.500.000 đồng
+ Đầu tư dài hạn:	25.600.000.000 đồng

Thực chất các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn là Công ty mẹ cho Công ty con vay để đầu tư xây dựng, sửa chữa kho tàng, bến bãi, mua sắm phương tiện vận tải và thanh toán một số khoản nợ đến hạn theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 02A/2013/BB HĐQT ngày 23 tháng 03 năm 2013.

Báo cáo này được lập thành 08 bản bằng Tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần vận tải đa phương thức Duyên Hải giữ 07 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2014

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

**Tổng Giám đốc**



**NGUYỄN NGỌC TỈNH**

Giấy CNDKHN số 0132/2013-016-1

**Kiểm toán viên**

**Bùi Quang Hợp**

Giấy CNDKHN số 1796-2013-016-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>44.754.921.661</b>	<b>58.512.605.266</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>8.537.301.384</b>	<b>4.914.169.156</b>
1. Tiền	111	V.1	8.537.301.384	4.914.169.156
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>16.059.500.000</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	16.059.500.000	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>6.611.223.497</b>	<b>42.139.598.486</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	2.639.055.071	2.766.774.932
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	100.000.000	270.132.000
3. Các khoản phải thu khác	138	V.5	3.872.168.426	39.102.691.554
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.836.144.606</b>	<b>7.410.634.953</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6a	5.473.524.606	7.410.634.953
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6b	(637.380.000)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.710.752.174</b>	<b>4.048.202.671</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	309.668.935	351.677.802
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.8	18.100.727	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	154		8.382.982.512	3.696.524.869
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>162.844.977.388</b>	<b>131.767.374.383</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.144.636.264</b>	<b>9.629.644.696</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	8.144.636.264	9.629.644.696
- Nguyên giá	222		13.963.286.755	14.051.961.306
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.818.650.491)	(4.422.316.610)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>154.195.120.074</b>	<b>122.095.120.074</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	128.595.120.074	122.095.120.074
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	25.600.000.000	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>505.221.050</b>	<b>42.609.613</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	505.221.050	42.609.613
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>207.599.899.049</b>	<b>190.279.979.649</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>21.349.330.143</b>	<b>13.867.714.125</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>20.999.330.143</b>	<b>12.731.714.125</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	16.951.737.376	939.163.418
2. Phải trả người bán	312	V.14	1.554.790.974	1.129.052.912
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	679.386.353	679.386.353
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	263.720.730	166.489.718
5. Phải trả công nhân viên	315		83.557.520	75.020.800
6. Chi phí phải trả	316		20.333.333	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.17	1.403.081.790	9.123.744.343
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	353		42.722.067	618.856.581
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>320</b>		<b>350.000.000</b>	<b>1.136.000.000</b>
1. Vay và nợ dài hạn	323	V.18	-	1.136.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	324	V.19	350.000.000	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>186.250.568.906</b>	<b>176.412.265.524</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.20	<b>186.250.568.906</b>	<b>176.412.265.524</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128.700.000.000	128.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.615.359.500	9.615.359.500
3. Cổ phiếu quỹ	414		(2.524.789.900)	(982.776.400)
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		225.534.038	177.909.956
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		50.234.465.268	38.901.772.468
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>207.599.899.049</b>	<b>190.279.979.649</b>

Người lập



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 18 tháng 02 năm 2014

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Chí Hùng

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

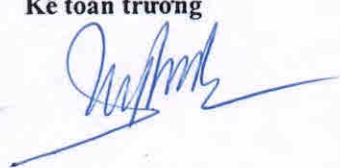
Đơn vị tính: VNĐ				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.21	23.790.107.097	21.060.752.439
2. Các khoản giảm trừ	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		23.790.107.097	21.060.752.439
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.22	20.217.221.126	17.044.392.802
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		3.572.885.971	4.016.359.637
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.23	27.934.816.357	36.270.428.320
7. Chi phí tài chính	22	VI.24	906.195.194	392.956.544
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		906.195.194	391.598.993
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.587.159.182	2.487.499.736
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.014.347.952	37.406.331.677
11. Thu nhập khác	31		3.000.000	231.309.635
12. Chi phí khác	32		-	231.309.635
13. Lợi nhuận khác	40		3.000.000	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.017.347.952	37.406.331.677
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.25	746.480.412	202.041.559
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.270.867.540	37.204.290.118
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.26	2.138	2.904

Người lập



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy



(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ			
Chỉ tiêu	MS	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	25.844.016.712	23.047.668.645
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(24.351.624.596)	(24.233.719.675)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.036.366.501)	(940.190.799)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(401.819.570)	(378.006.822)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(612.856.463)	(128.344.928)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	72.862.349.985	116.976.292.149
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(66.860.781.294)	(112.781.012.021)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>5.442.918.273</b>	<b>1.562.686.549</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(24.145.454)	(45.611.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(64.465.790.178)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	48.918.046.883	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.500.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.741.739.481	20.489.186.813
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>12.669.850.732</b>	<b>20.443.574.995</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	(1.509.013.500)	(982.776.400)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	21.650.000.000	5.239.109.140
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(19.275.443.405)	(10.523.356.367)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.355.179.872)	(11.521.530.809)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(14.489.636.777)</b>	<b>(17.788.554.436)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>3.623.132.228</b>	<b>4.217.707.108</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>4.914.169.156</b>	<b>696.462.048</b>
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>8.537.301.384</b>	<b>4.914.169.156</b>

Người lập



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 18 tháng 02 năm 2014

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Chí Hùng

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2013

### I. Thông tin doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 9, ngày 11 tháng 10 năm 2013. Theo đó;

Trụ sở chính của Công ty: Số 189, đường Đình Vũ, Hải An, Hải Phòng

Vốn điều lệ của Công ty: 128.700.000.000 đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, thương mại, dịch vụ

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết : Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết : Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung; Dịch vụ Logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết : bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng);
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ móc và bán rơ mooc;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết : Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết : Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hóa; Cho thuê Container;
- Cho thuê xe có động cơ;

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2013

Công ty có các Công ty con sau :

Danh sách công ty con	Tỷ lệ sở hữu của Công ty Mẹ
1. Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	99,68%
2. Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	100,00%
3. Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	99,35%
4. Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải	99,00%
5. Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	100,00%
6. Công ty TNHH Container Minh Thành	75,83%
7. Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	100,00%

• **Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200183294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 18 tháng 6 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 15 tháng 10 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 20.700.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Km 104+ 200 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa, làm thủ tục thông quan.

Công ty nắm giữ 99,68% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.

• **Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600336943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 29 tháng 9 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 22 tháng 11 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 6.500.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 100,00% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.

• **Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải**

Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200663942 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 21 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 10 tháng 10 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 10.800.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính là Kinh doanh vận tải đường bộ, sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải.

Công ty nắm giữ 99,35% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.

• **Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải**

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200644957 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 03 tháng 09 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2013

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải.

Công ty nắm giữ 99% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.

### • Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội

Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102805652 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 11 tháng 10 năm 2013.

Theo đó;

Vốn điều lệ : 2.520.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : P212, Nhà N3A, đường Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là Bán buôn nước hoa, mỹ phẩm, các dịch vụ vận tải khác. Dịch vụ kho bãi.

Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.

### • Công ty TNHH Container Minh Thành

Công ty TNHH Container Minh Thành (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0200667880 do Sở kế hoạch & Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 10 tháng 04 năm 2006, thay đổi lần thứ 6 ngày 15 tháng 10 năm 2013. Theo đó;

Vốn điều lệ : 24.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là Cho thuê kho bãi, nhà hàng, lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 75,83% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.

### • Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải

Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duyên Hải (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201129229 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 11 năm 2011, thay đổi lần thứ 2 ngày 04 tháng 09 năm 2013. Theo đó;

Vốn điều lệ : 999.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chính là Bán buôn, lẻ nước hoa, mỹ phẩm, nhà hàng.

Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.

## I. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm..

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là đồng).

## III. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (" VND "), phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành kèm theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2013*

- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4);
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5);

### 2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

### 3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức ghi sổ kế toán của Công ty đang áp dụng là Nhật ký chung.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

#### 1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

#### 1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

**Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

---

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)*

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2013*

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

**Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

**Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:** Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được hạch toán theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:** Khấu hao TSCĐ hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	06 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm

### 5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

#### 5.1. Nguyên tắc ghi nhận

#### Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ giá trị đầu tư.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)*



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** *Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2013*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này, bao gồm:

**Chi phí trả trước ngắn hạn:** Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

**Chi phí trả trước dài hạn:** Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

### **7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

### **8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là giá trị chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### **9. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.**

#### **10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### **10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

---

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)*

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2013

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### 10.3. Doanh thu hoạt động tài chính:

#### Tiền lãi:

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### Cổ tức:

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

### 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác.

#### Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** *Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2013*

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013 là 25%.

### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

### **Thuế giá trị gia tăng**

Thuế GTGT được kê khai và hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

### **Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

1	Tiền và các khoản tương đương tiền	ĐVT: đồng	
		Số cuối năm	Số đầu năm
	Tiền mặt	715.221.852	1.313.963.501
	Tiền gửi ngân hàng	7.822.079.532	3.600.205.655
	<b>Cộng</b>	<b>8.537.301.384</b>	<b>4.914.169.156</b>
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
	Đầu tư ngắn hạn khác		
	Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải (1)	7.559.500.000	-
	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải (2)	7.000.000.000	-
	Công ty TNHH Container Minh Thành (3)	1.500.000.000	-
	<b>Cộng</b>	<b>16.059.500.000</b>	<b>-</b>
<p>(1). Khoản đầu tư của Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải theo Hợp đồng cho vay số 01/HDCV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Vay bằng tín chấp. Công ty con dùng khoản vay này để đầu tư mua sắm bổ sung phương tiện vận tải.</p> <p>(2). Khoản đầu tư của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải theo Hợp đồng cho vay số 02/HDCVV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Vay bằng tín chấp. Công ty con dùng khoản vay này để đầu tư, xây mới Trung tâm bảo hành, xưởng sửa chữa, văn phòng làm việc.</p> <p>(3). Khoản đầu tư của Công ty TNHH Container Minh Thành theo Hợp đồng cho vay số 03/HDCV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Vay bằng tín chấp. Công ty con dùng khoản vay này để đầu tư, sửa chữa bãi container, kê hồ sinh thái.</p>			
3	Phải thu khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
3,1	Phải thu các bên liên quan ( Xem phần thuyết minh BCTC mục VI.29)	663.926.992	1.253.472.250
3,2	Phải thu thương mại	1.975.128.079	1.513.302.682
	<b>Cộng</b>	<b>2.639.055.071</b>	<b>2.766.774.932</b>
4	Trả trước cho người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
	Nhà cung cấp dự án Lạch Huyện	-	110.000.000
	CN Cty CP đại lý Hàng Hải VN-ĐL Hàng Hải HP	-	132.000
	Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội	100.000.000	160.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>100.000.000</b>	<b>270.132.000</b>
5	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
5.1	Phải thu khác của các bên liên quan ( Xem phần thuyết minh BCTC mục VI.29)	216.093.087	26.111.756.705
5,2	Phải thu lợi nhuận của các Công ty con Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	3.562.789.198 68.804.816	12.784.697.414 1.346.797.200

(Bản Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)



	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	2.135.163.327	5.367.575.900
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	309.545.441	5.171.755.028
	Công ty TNHH Container Minh Thành	664.009.899	836.632.398
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	385.265.715	-
	Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	-	61.936.888
<b>5,3</b>	<b>Phải thu đối tượng khác</b>	<b>93.286.141</b>	<b>206.237.435</b>
	Phải thu khác của cán bộ nhân viên	93.286.141	206.237.435
	<b>Cộng</b>	<b>3.872.168.426</b>	<b>39.102.691.554</b>
<b>6a</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	Hàng tồn kho	5.473.524.606	7.410.634.953
	<b>Cộng</b>	<b>5.473.524.606</b>	<b>7.410.634.953</b>
<b>6b</b>	<b>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(637.380.000)	-
	<b>Cộng</b>	<b>(637.380.000)</b>	<b>-</b>
<b>7</b>	<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	Chi phí trả trước ngắn hạn	309.668.935	351.677.802
	<b>Cộng</b>	<b>309.668.935</b>	<b>351.677.802</b>
<b>8</b>	<b>Thuế GTGT được khấu trừ</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	Thuế GTGT được khấu trừ	18.100.727	-
	<b>Cộng</b>	<b>18.100.727</b>	<b>-</b>
<b>9</b>	<b>Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình &lt;Phụ lục 01&gt;</b>		
<b>10</b>	<b>Các khoản đầu tư vào Công ty con</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	14.503.099.339	14.503.099.339
	- Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	32.867.444.563	32.867.444.563
	- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	45.655.576.172	45.655.576.172
	- Công ty TNHH MTV VT Đa PT Duyên Hải Hà Nội	2.520.000.000	2.520.000.000
	- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	6.500.000.000	-
	- Công ty TNHH Container Minh Thành	25.550.000.000	25.550.000.000
	- Công ty TNHH Thời trang mỹ phẩm Duyên Hải	999.000.000	999.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>128.595.120.074</b>	<b>122.095.120.074</b>
<b>11</b>	<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội (1)	10.600.000.000	-
	Công ty TNHH Container Minh Thành (2)	15.000.000.000	-
	<b>Cộng</b>	<b>25.600.000.000</b>	<b>-</b>

(1). Khoản đầu tư của Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội theo Hợp đồng cho vay số 05/HDCV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Vay bằng tín chấp. Công ty TNHH MTV vận tải đa phương thức Duyên Hải Hà Nội dùng khoản vay này để thanh toán 26 xe container.

(2). Khoản đầu tư của Công ty TNHH Container Minh Thành theo Hợp đồng cho vay số 10/HDCVV/2013 ngày 10 tháng 12 năm 2013, lãi suất vay 10%/năm, thời hạn vay 24 tháng. Vay bằng tín chấp. Công ty con dùng nguồn vay này để sửa chữa, nâng cấp bãi và thanh toán khoản nợ đến hạn của cá nhân.

12	<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	Chi phí sửa chữa xe nâng số 5	445.335.000	-
	Chi phí trả trước dài hạn khác	59.886.050	42.609.613
	<b>Cộng</b>	<b>505.221.050</b>	<b>42.609.613</b>
13	<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>Vay ngắn hạn</b>		
a.	<i>Ngân hàng</i>	2.051.737.376	939.163.418
	Ngân hàng TMCP ĐT & PT VN - CN Đông Hải Phòng (*)	2.051.737.376	939.163.418
b.	<i>Đối tượng khác</i>	14.900.000.000	-
	Đặng Hồng Quân (**)	1.000.000.000	-
	Công ty TNHH vận tải Duyên Hải (***)	13.900.000.000	-
	<b>Cộng</b>	<b>16.951.737.376</b>	<b>939.163.418</b>

(\*). Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2285181.001/2012/HĐTĐ ngày 26/12/2012 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hải Phòng và Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải. Mức dư nợ tối đa: 3.000.000.000 đồng, lãi suất vay được áp dụng theo từng thời điểm. Tài sản thế chấp cho khoản vay này là 10 xe Ô tô đầu kéo, rơ moóc nhãn hiệu Hải Âu và 01 xe cần trục bánh lốp TADANA, 01 xe cần trục bánh lốp KATO

(\*\*). Khoản vay của Ông Đặng Hồng Quân theo Hợp đồng vay ngày 05 tháng 02 năm 2013, lãi suất vay 1%/tháng, thời hạn vay dưới 12 tháng. Vay bằng tín chấp.

(\*\*\*). Khoản vay của Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải theo Hợp đồng vay vốn số 01/HDCVV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm, thời hạn vay 12 tháng.

14	<b>Phải trả người bán</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
14.1	<i>Phải trả các bên liên quan</i> ( Xem phần thuyết minh BCTC mục 29)	1.483.953.740	1.038.512.539
14.2	<i>Phải trả thương mại</i>	70.837.234	90.540.373
	<b>Cộng</b>	<b>1.554.790.974</b>	<b>1.129.052.912</b>
15	<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	CN Công ty TNHH Shipco Transport VN tại HP	22.386.353	22.386.353
	Công ty TNHH vận tải Duyên Hải	657.000.000	657.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>679.386.353</b>	<b>679.386.353</b>
16	<b>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	260.642.730	127.018.781
	Thuế thu nhập cá nhân	3.078.000	360.000
	Thuế GTGT đầu ra	-	39.110.937
	<b>Cộng</b>	<b>263.720.730</b>	<b>166.489.718</b>
17	<b>Các khoản phải trả phải nộp khác</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>

(Bản Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)



<b>17.1 Phải trả phải nộp các bên liên quan</b>	<b>84.333.333</b>	<b>8.234.576.767</b>
Công ty TNHH vận tải Duyên Hải	84.333.333	8.234.576.767
<b>17.2 Phải trả phải nộp khác</b>	<b>1.318.748.457</b>	<b>889.167.576</b>
Thuế TNCN, BHXH, BHYT	5.477.520	9.434.400
Phải trả khác	533.626.323	162.623.153
Doanh thu chưa thực hiện	295.849.299	295.849.211
Phải trả cổ tức	445.521.350	375.631.197
Các đối tượng khác	38.273.965	45.629.615
<b>Cộng</b>	<b>1.403.081.790</b>	<b>9.123.744.343</b>
<b>18 Vay và nợ dài hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Vay dài hạn</b>		
Ngân hàng Đầu tư và phát triển VN- CN Đông HP (*)	-	1.136.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.136.000.000</b>
<b>19 Phải trả dài hạn khác</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	350.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>350.000.000</b>	<b>-</b>
<b>20 Vốn chủ sở hữu</b>		
<b>a. Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu &lt;Phụ lục số 02&gt;</b>		
<b>b. Chi tiết nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Vốn góp của Cổ đông sáng lập	78.938.100.000	80.585.480.000
Vốn góp của CBCNV	8.206.170.000	5.218.600.000
Vốn góp của Cổ đông ngoài	41.555.730.000	42.895.920.000
<b>Cộng</b>	<b>128.700.000.000</b>	<b>128.700.000.000</b>
<b>c. Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.870.000	12.870.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.620.000	12.770.000
Cổ phiếu phổ thông	12.620.000	12.770.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	250.000	100.000
Cổ phiếu phổ thông	250.000	100.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.620.000	12.770.000
Cổ phiếu phổ thông	12.620.000	12.770.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Đơn vị tính: đồng

(Bản Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

21 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
<i>- Doanh thu cung cấp dịch vụ:</i>		
+ Doanh thu Shipline	2.211.315.981	2.053.800.512
+ Doanh thu khai thác CFS	6.328.312.488	6.132.472.808
+ Doanh thu bãi	1.749.361.119	591.310.460
+ Doanh thu vận tải	1.523.013.397	2.710.876.910
+ Doanh thu thương mại, dịch vụ	11.978.104.112	9.572.291.749
<b>Cộng</b>	<b>23.790.107.097</b>	<b>21.060.752.439</b>
22 Giá vốn dịch vụ:	Năm nay	Năm trước
+ Giá vốn Shipline	2.209.325.977	1.982.784.215
+ Giá vốn khai thác CFS	6.328.230.853	6.060.253.787
+ Giá vốn bãi	1.465.361.117	549.332.315
+ Giá vốn vận tải	1.270.382.637	2.426.690.685
+ Giá vốn thương mại, dịch vụ	8.943.920.542	6.025.331.800
<b>Cộng</b>	<b>20.217.221.126</b>	<b>17.044.392.802</b>
23 Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	29.525.004	18.610.020
- Lợi nhuận được chia từ các công ty con	25.031.426.306	36.251.808.480
- Chênh lệch tỷ giá	4.561.114	9.820
- Doanh thu HĐTC khác	2.869.303.933	-
<b>Cộng</b>	<b>27.934.816.357</b>	<b>36.270.428.320</b>
24 Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
- Chênh lệch tỷ giá	-	1.357.551
- Chi phí lãi vay	906.195.194	391.598.993
<b>Cộng</b>	<b>906.195.194</b>	<b>392.956.544</b>
25 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.017.347.952	37.406.331.677
2. Các khoản thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế	25.031.426.306	36.251.808.480
3. Các khoản chi phí không được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế		
4. Số thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ (4=1-2+3)	2.985.921.646	1.154.523.197
5. Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
6. Chi phí thuế TNDN hiện hành (6=5*4)	746.480.412	288.630.799
7. Số thuế được miễn giảm theo thông tư 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 08 năm 2012	-	86.589.240
8. Thuế TNDN phải nộp năm 2013(9=6-7)	746.480.412	202.041.559

(Bản Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)



26	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>Năm nay</u>	
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ.		
	<b>Công ty đã sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
	+ Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN		27.270.867.540
	+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán		-
	Các khoản điều chỉnh tăng		-
	Các khoản điều chỉnh giảm		-
	+ Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		27.270.867.540
	+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ		12.755.329
	+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu		2.138
27	Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	530.708.678
	Chi phí khấu hao TSCĐ	1.384.968.267	1.365.032.436
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.832.252.859	15.148.651.688
	<b>Cộng</b>	<b>20.217.221.126</b>	<b>17.044.392.802</b>
28	Một số chỉ tiêu cơ bản	<u>Tại ngày</u> <u>31/12/2013</u>	<u>Tại ngày</u> <u>31/12/2012</u>
	<b>a. Bộ trí cơ cấu tài sản:</b>		
	- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản (%)	78%	69%
	- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	22%	31%
	<b>b. Tỷ suất sinh lợi:</b>		
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	115%	177%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	15%	21%
	<b>c. Tình hình tài chính:</b>		
	- Tỷ lệ nợ phải trả / Tổng tài sản	10%	7%
	- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng tài sản (%)	12%	3%
	- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/ Tổng vốn chủ sở hữu)	4%	5%
29	Nghiệp vụ với các bên liên quan		
	Danh sách các bên liên quan đã có giao dịch trong kỳ với Công ty:		
	<b>TT Tên tổ chức/ Cá nhân</b>		<b>Mối quan hệ</b>
	1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải		Công ty con
	2 Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải		Công ty con
	3 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải		Công ty con
	4 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ		Công ty con
	5 Công ty TNHH MTV vận tải Đa PT Duyên Hải Hà Nội		Công ty con
	6 Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải		Công ty con
	7 Công ty TNHH Container Minh Thành		Công ty con
	9 Ông Nguyễn Đình Chung		Cổ đông lớn

(Bản Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

Những giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ ( từ 01-01-2013 đến 31-12-2013)

<b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Số tiền (đồng)</b>
<b>TT Doanh thu</b>		
1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	2.219.009.819
2 Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	82.454.249
3 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	2.533.833.948
4 Công ty TNHH Vtải Duyên Hải Phú Thọ	Doanh thu dịch vụ	279.966.007
5 Công ty TNHH t/trang mỹ phẩm Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	2.775.102
6 Công Ty TNHH Container Minh Thành	Doanh thu dịch vụ	1.110.019.199
7 Cty TNHH MTVVT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	Doanh thu dịch vụ	9.125.165
<b>Cộng</b>		<b>6.237.183.489</b>

<b>TT Giá vốn</b>		<b>Số tiền (đồng)</b>
1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	8.822.975.065
2 Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	3.307.831.724
3 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	1.036.120.000
<b>Cộng</b>		<b>13.166.926.789</b>

<b>TT Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Lợi nhuận được chia	3.986.004.363
2 Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Lợi nhuận được chia	4.876.218.107
3 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Lợi nhuận được chia	979.477.861
4 Công ty TNHH Vtải Duyên Hải Phú Thọ	Lợi nhuận được chia	14.594.670.807
5 Công ty TNHH t/trang mỹ phẩm Duyên Hải	Lợi nhuận được chia	22.913.474
6 Công Ty TNHH Container Minh Thành	Lợi nhuận được chia	572.141.694
<b>Cộng</b>		<b>25.031.426.306</b>

**Số dư giao dịch với các bên liên quan**

<b>-Đầu tư ngắn hạn khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tại ngày 31/12/2013</b>
Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	Công ty con	7.559.500.000
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải	Công ty con	7.000.000.000
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con	1.500.000.000
<b>Cộng</b>		<b>16.059.500.000</b>

<b>-Các khoản phải thu</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tại ngày 31/12/2013</b>
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con	9.081.003
Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	Công ty con	215.600.000
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải	Công ty con	2.600.000
Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	Công ty con	436.645.989
<b>Cộng</b>		<b>663.926.992</b>

<b>-Các khoản phải thu khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tại ngày 31/12/2013</b>
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con	59.755.556
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải	Công ty con	34.933.333
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con	121.404.198

(Bản Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)



<b>Cộng</b>		<b>216.093.087</b>
<b>- Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>Tai ngày 31/12/2013</b>
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con	15.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải Đa phương thức Duyên Hải HN	Công ty con	10.600.000.000
<b>Cộng</b>		<b>25.600.000.000</b>
<b>- Phải trả người bán</b>		<b>Tai ngày 31/12/2013</b>
Công ty TNHH vận tải Duyên Hải	Công ty con	794.545.106
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải	Công ty con	647.344.634
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con	42.064.000
<b>Cộng</b>		<b>1.483.953.740</b>
<b>-Người mua trả tiền trước</b>		<b>Tai ngày 31/12/2013</b>
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải		657.000.000
<b>Cộng</b>		<b>657.000.000</b>
<b>-Vay ngắn hạn</b>		<b>Tai ngày 31/12/2013</b>
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải		13.900.000.000
<b>Cộng</b>		<b>13.900.000.000</b>
<b>- Thu nhập, thù lao Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc</b>		<b>Năm 2013</b>
Thu nhập, thù lao Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc		735.323.280

### 30 Quản trị rủi ro tài chính.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả phải nộp khác. Mục đích của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua của các công cụ này.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có 4 loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến nghĩa vụ nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Công ty.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính bao gồm cả tiền gửi ngân hàng.

#### **Phải thu khách hàng**

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

#### **Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư trong tài khoản tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ đã được trình bày ở trên và Công ty nhận thấy rủi ro tín dụng đối với khoản mục này là thấp.

#### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp phải khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty thực hiện giám sát rủi ro thanh khoản thông qua duy trì một lượng tiền mặt và các khoản vay ngân hàng mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng các hoạt động của Công ty, để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

**Tài sản đảm bảo (Xem Mục 16, phần Thuyết minh).**

### **31 Công cụ tài chính (Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính)**

*Đơn vị tính: đồng*

Công ty chưa tiến hành xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính do chưa có hướng dẫn cụ thể từ cơ quan quản lý. Bảng dưới đây sẽ trình bày giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	<b>Giá trị ghi sổ</b> <b>Tại ngày 31/12/2013</b>
<b>Tài sản tài chính</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.537.301.384
Đầu tư ngắn hạn khác	16.059.500.000
Phải thu khách hàng	2.639.055.071
Phải thu khác	3.872.168.426
<b>Cộng</b>	<b>31.108.024.881</b>



	Giá trị ghi số Tại ngày 31/12/2013
<b>Nợ phải trả tài chính</b>	
<b>Ngắn hạn</b>	<b>19.909.610.140</b>
Vay và nợ ngắn hạn	16.951.737.376
Phải trả người bán	1.554.790.974
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.403.081.790
<b>Dài hạn</b>	<b>350.000.000</b>
Phải trả dài hạn khác	350.000.000
Vay và nợ dài hạn	-
<b>Cộng</b>	<b>20.259.610.140</b>

**VII Thông tin bổ sung cho các khoản mục trên báo cáo Lưu chuyển tiền tệ (Đơn vị tính: đồng)**

**32 Một số chỉ tiêu cần được cần giải thích trên thuyết minh báo cáo lưu chuyển tiền tệ:**

**a. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được**

Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

	Năm nay	Năm trước
Vay để trả trực tiếp cho người bán	7.711.984.523	2.313.592.509
Vay để trả lương cho CBCNV các Công ty con	-	2.169.016.255
Vay để trả lương cho CBCNV của Công ty	-	256.500.376
Thanh toán bù trừ	6.830.038.106	-
<b>Cộng</b>	<b>14.542.022.629</b>	<b>4.739.109.140</b>

**b. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia**

**Trong đó:**

*Lợi nhuận được chia từ các công ty con*

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	2.278.534.285	1.087.228.259
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	8.213.495.586	1.788.980.739
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	19.756.428.426	16.038.141.075
Công ty TNHH Container Minh Thành	760.990.123	570.000.000
Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	102.368.724	54.836.740
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	947.625.373	950.000.000

**Cộng** 32.059.442.517 20.489.186.813

**c. Cổ tức trả cho chủ sở hữu**

	Năm nay	Năm trước
Dùng để trả cổ tức cho cổ đông	15.355.179.872	11.521.530.809

**VIII Thông tin khác**

**33 Thông tin so sánh:**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2012 của đơn vị đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

**34 Thông tin về tính hoạt động liên tục**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải khẳng định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

35 Thông tin khác

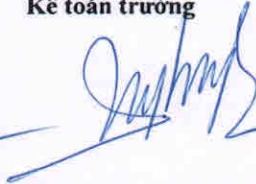
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do sự áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo các cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Người lập



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 18 tháng 02 năm 2014

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Chí Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI  
Địa chỉ: Số 189 đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Thuyết minh BCTC  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

PHỤ LỤC 01

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá tài sản cố định</b>					
Số dư đầu năm		31.348.182	13.847.373.207	173.239.917	14.051.961.306
- Mua trong kỳ		-	-	-	-
- XDCB hoàn thành		-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác	-			88.674.551	88.674.551
Số dư cuối kỳ	-	31.348.182	13.847.373.207	84.565.366	13.963.286.755
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm		4.353.914	4.321.013.452	96.949.244	4.422.316.610
- Khấu hao trong kỳ		10.449.394	1.423.775.942	22.746.498	1.456.971.834
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác	-			60.637.953	60.637.953
Số dư cuối kỳ	-	14.803.308	5.744.789.394	59.057.789	5.818.650.491
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ</b>					
- Tại ngày đầu năm	-	26.994.268	9.526.359.755	76.290.673	9.629.644.696
- Tại ngày cuối kỳ	-	16.544.874	8.102.583.813	25.507.577	8.144.636.264

**PHỤ LỤC 02:**

**BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Cổ phiếu Quỹ	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	<b>128.700.000.000</b>	<b>9.615.359.500</b>	<b>177.909.956</b>	-	<b>16.632.547.231</b>	<b>155.125.816.687</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	37.204.290.118	37.204.290.118
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	982.776.400	14.935.064.881	15.917.841.281
						-
<b>2. Số dư cuối năm trước</b>	<b>128.700.000.000</b>	<b>9.615.359.500</b>	<b>177.909.956</b>	<b>(982.776.400)</b>	<b>38.901.772.468</b>	<b>176.412.265.524</b>
<b>3. Số dư đầu năm nay</b>	<b>128.700.000.000</b>	<b>9.615.359.500</b>	<b>177.909.956</b>	<b>(982.776.400)</b>	<b>38.901.772.468</b>	<b>176.412.265.524</b>
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	27.270.867.540	27.270.867.540
Tăng khác	-	-	47.624.082	-	-	47.624.082
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	1.542.013.500	15.938.174.740	17.480.188.240
						-
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	<b>128.700.000.000</b>	<b>9.615.359.500</b>	<b>225.534.038</b>	<b>(2.524.789.900)</b>	<b>50.234.465.268</b>	<b>186.250.568.906</b>